HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37 /2024/NQ-HĐND	*Hải Dương, ngày 11 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 28

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khóa XVII, Kỳ

họp thứ 28 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: LĐTB&XH, Tài chính; *(để báo cáo)*
- Cục kiểm tra VBQPPL - *Bộ Tư pháp*;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

Việc thực hiện hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương đảm bảo công khai, minh bạch. Chế độ hỗ trợ thu nhập hàng tháng và hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng được thực hiện theo tháng.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Người là thành viên thuộc hộ nghèo, thuộc các trường hợp sau:

a) Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

b) Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

c) Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

d) Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương

tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

đ) Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp:

- Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật;

- Có cha và mẹ thuộc một trong các trường hợp: chết, mất tích theo quy định của pháp luật; có hoàn cảnh khó khăn *(Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định; bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên)*.

e) Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con nhưng đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật;

- Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp sau: Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định; bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên;

- Các thành viên khác trong hộ gia đình đều thuộc một trong các trường hợp sau: người cao tuổi; trẻ em; người đang đi học dưới 22 tuổi; người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên.

2. Là đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này mà thuộc hộ gia đình được công nhận thoát nghèo sau khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

HỖ TRỢ THU NHẬP HÀNG THÁNG

Điều 4. Đối tượng và mức hỗ trợ thu nhập hàng tháng

1. Đối tượng hỗ trợ

Hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quy định này bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-

2025 theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ

a) Đối tượng được hưởng 100% mức hỗ trợ hàng tháng

Trường hợp không thuộc các đối tượng: đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội; đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025 theo quy định của Chính phủ.

b) Đối tượng được hỗ trợ thêm hàng tháng

Trường hợp thuộc đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì được hỗ trợ thêm hàng tháng phần chênh lệch giữa mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025 theo quy định của Chính phủ với mức trợ cấp hàng tháng đang hưởng.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thực hiện

1. Hồ sơ đề nghị

Đơn đề nghị của đối tượng hoặc người giám hộ *(Mẫu số 01)* kèm theo văn bản xác nhận người giám hộ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định *(đối với trường hợp có đơn đề nghị của người giám hộ)*.

2. Trình tự thực hiện

a) Đối tượng, người giám hộ của đối tượng làm hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 của Quy định này để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong đơn đề nghị. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, lập danh sách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc, trừ những thông tin liên quan đến HIV/AIDS của

đối tượng. Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung khiếu nại;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho đối tượng.

3. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến.

4. Thời gian chi trả: Từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng.

Mục 2

HỖ TRỢ MỨC ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 6. Đối tượng và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% mức đóng 12 tháng theo mức đóng bảo hiểm y tế hộ gia đình kể từ ngày được công nhận thoát nghèo theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế thì được hưởng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự thực hiện

1. Hồ sơ đề nghị

a) Văn bản đề nghị của Uỷ ban nhân dân cấp xã kèm danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Quy định này do Uỷ ban nhân dân cấp xã lập;

b) Văn bản của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện kèm theo danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo Quy định này.

2. Trình tự thực hiện

a) Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách người đủ điều kiện hưởng chính sách quy định tại Quy định này và có văn bản đề nghị Phòng Lao động Thương binh và xã hội cấp huyện;

b) Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định danh sách đối tượng được hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế và có văn bản đề nghị kèm theo danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện;

c) Cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện chuyển thẻ bảo hiểm y tế cho Uỷ ban nhân dân cấp xã để cấp cho đối tượng;

d) Định kỳ hàng năm, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện tổ chức thanh toán kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế.

Chương III

KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì được áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

2. Thời gian thực hiện: Chính sách tại Quy định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 cho đến khi Trung ương ban hành văn bản thay thế Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và có hiệu lực thi hành.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THU NHẬP HÀNG THÁNG

THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa): .....

Ngày/tháng/năm sinh: ... *I* ... *I* .... Giới tính: ..... Dân tộc: .....

Giấy CMND/Căn cước công dân/thẻ Căn cước số ..... Cấp ngày .../ ... / .....

Nơi cấp: ……

2. Nơi ở hiện nay: .....

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở? .....

3. Là đối tượng đề nghị hỗ trợ (*ghi cụ thể đối tượng theo Nghị quyết)*…….....

……

4. Có thẻ BHYT không? □ Không □ Có

5. Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Trợ cấp hàng tháng theo Luật Bảo hiểm xã hội:……..… đồng. Hưởng từ tháng ……../…….

Trợ cấp xã hội hàng tháng: ……. đồng. Hưởng từ tháng ……../ ……

Trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng: …….. đồng. Hưởng từ tháng ……../.....

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: ……. đồng. Hưởng từ tháng .../ ……

6. Thuộc hộ nghèo? □ Không □ Có

7. Có là người khuyết tật không? □ Không □ Có

- Giấy xác nhận khuyết tật số ……. Ngày cấp: …… Nơi cấp .....

- Dạng tật: .....

- Mức độ khuyết tật: .....

8. Thông tin về cha hoặc mẹ, vợ, chồng, con của đối tượng …….

……

……

……

9. Các thông tin khác liên quan đến điều kiện thuộc đối tượng được hỗ trợ thu nhập hàng tháng *(về việc mắc bệnh hiểm nghèo, bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày, hoàn cảnh gia đình khó khăn,...)*

…….

…….

…….

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay	*Ngày .... tháng .... năm ...*
Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số:.	**NGƯỜI KHAI**
Ngày cấp: ……. Nơi cấp:……	*(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)*
Mối quan hệ với đối tượng: ……	
Địa chỉ: ……..…….	

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) ..... là đúng.

	Ngày .... tháng .... năm ...
CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ	**CHỦ TỊCH**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*